

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU KHUYNH HƯỚNG TƯ TƯỞNG THI HỌC CỦA TRƯƠNG ĐĂNG QUẾ QUA BÀI TỰA *HỌC VĂN DƯ TẬP TỰ TỰ*

ThS. Hoàng Ngọc Cương¹

TÓM TẮT

Trương Đăng Quế (1793 - 1865) là một vị quan đại thần dưới triều Nguyễn, đồng thời cũng là nhà văn, nhà thơ, nhà sử học lớn trong giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có nhiều nghiên cứu quan tâm tìm hiểu đến sự nghiệp trước tác của ông nói chung và khuynh hướng tư tưởng thi học của ông nói riêng. Bài viết này bước đầu đi vào tìm hiểu tư tưởng thi học của Trương Đăng Quế thông qua bài tựa “Học văn dư tập tự tự”.

Từ khóa: Nhà thơ, tư tưởng thi học, thi học

1. Mở đầu: Sơ lược về tiểu sử và sự nghiệp trước tác của Trương Đăng Quế

1.1. Sơ lược tiểu sử Trương Đăng Quế

Trương Đăng Quế (1793 - 1865), tự Diên Phương 延芳, hiệu Đoan Trai 端齋, biệt hiệu Quảng Khê Tẩu 廣溪叟, người làng Mỹ Khê, phủ Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi). Trương Đăng Quế thi đậu Hương tiến (Cử nhân) cuối đời vua Gia Long, ông cũng chính là bậc khoa giáp đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi. Trương Đăng Quế là bậc lương thân triều Nguyễn, làm quan trải ba đời vua Minh Mệnh, Thiệu Trị và Tự Đức. Ông là một con người suốt đời vì dân, vì nước, có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, nông nghiệp, văn hóa, giáo dục, sử học ở nước ta nửa đầu thế kỷ XIX. Trong suốt cuộc đời hơn 40 năm làm quan của mình, tuy giữ nhiều trọng trách quan trọng và giữ nhiều chức vụ lớn trong triều đình, nhưng Trương Đăng Quế là

một vị quan rất mực thanh liêm, cần kiệm và giản dị, khi về hưu trí (1863) nhà rất nghèo, sống những năm tháng cuối đời thanh bạch nơi quê cũ như thừa còn hàn vi. Khi ông mất, vua Tự Đức cho nghỉ triều ba ngày, truy tặng hàm Thái sư, được vua ban tên thụy là Văn Lương, và được cho tòng tự ở Thế miếu [1, tr.423-454].

1.2. Sự nghiệp trước tác

Sáng tác của Trương Đăng Quế còn lại rất nhiều, tiêu biểu là các tập: *Quảng Khê văn tập* 廣溪文集 (Tập văn Quảng Khê), *Trương Quảng Khê thi văn* 張廣溪詩文 (Thơ văn Trương Quảng Khê), *Nhật Bản kiến văn lục* 日本見文錄 (Ghi chép về những điều tai nghe mắt thấy ở Nhật Bản).

Ngoài ra, thơ văn của ông còn được chép trong các sách: *Đại Nam anh nhĩ tiền biên* 大南英雅前編 (Lời hay ý đẹp của nước Đại Nam, phần tiền biên), *Quốc triều hàn uyển* 國朝翰苑 (Vườn văn bản triều), *Thi tấu hợp biên* 詩奏合編 (Hợp biên các bài thơ và tấu), *Thúy Sơn thi tập* 翠山詩集 (Tập

¹Trường Đại học KHXH & NV TP. Hồ Chí Minh

thơ về núi Thúy Sơn) *Từ uyển xuân hoa* 辭苑春花 (Hoa xuân vườn văn). Không chỉ trước tác nhiều, Trương Đăng Quế còn tham gia biên soạn các bộ sách sử và điển lệ lớn của triều Nguyễn, như: *Đại Nam liệt truyện tiền biên* 大南列傳前編 (Truyện các nhân vật nước Đại Nam, phần tiền biên), *Đại Nam thực lục tiền biên* 大南寔錄前編 (Ghi chép xác thực sử nước Đại Nam, phần tiền biên), *Đại Nam hội điển toát yếu* 大南會典撮要 (Tóm lược những điều cốt yếu của điển lệ nước Đại Nam) *Nam giao nhạc chương* 南郊樂章 (Âm nhạc lễ Nam Giao), v.v... [2, tr.1860], [3, tr.126-131].

Đương thời, Trương Đăng Quế rất được nhiều người trọng vọng mến mộ cả về tài năng và nhân cách. Trong những buổi đàm luận thơ ca, bình giải triết học cổ kim, Trương Đăng Quế cùng với Phan Thanh Giản đều được xem như núi Thái Sơn, như sao Bắc Đẩu [4, tr.15a]. Nhiều người có danh tiếng văn học trong hoàng thân như Tùng Thiện vương Miên Thẩm, Tuy Lý vương Miên Trinh đều cảm mộ học vấn sâu rộng và nhân cách khiêm nhường của ông, vẫn thường đến hỏi những nghĩa khó hiểu trong sách, và nhờ ông sửa chữa thơ văn. Các công chúa

Nguyên văn:

學文餘集自序

余之於詩，幼無師授，但從吾所好為之，無起無承，不規不矩，就事起興，觸景成吟，只知陶寫性情，非欲以詩名也。稍長，從事舉子業，遊學京師，既舉於鄉，揀充直學。漸與士大夫接識，講讀之暇，或隨鄴下燕集，或因曲水傳觴，或贈策於行人，或嚶鳴以求友唱。余和女交相琢磨，窮究源流，搜尋要妙，遂涉獵歷代諸家名詩，溯自晉魏兩漢以前，靡不備覽。始知作家之法度準繩，談說紛如，

Nguyệt Đình, Diệu Liên, Huệ Phó tự xưng là học trò của ông [1, tr.451]. Trương Đăng Quế cũng là người chấp bút viết lời tựa cho nhiều tập thơ của những danh sĩ đương thời. Thơ ông khoan hòa, điển nhã, thanh thoát, “khiến cho Hà Tông Quyền nhún trông nên lạc bước, Phan Thanh Giản nhìn thấy phải nhường mày” [5, tr.3a].

2. Nội dung: Bài tựa *Học văn dư tập tự tự* và khuynh hướng tư tưởng thi học của Trương Đăng Quế

2.1. Bài tựa *Học văn dư tập tự tự*

Bài tựa *Học văn dư tập tự tự* 學文餘集自序 được chép trong sách *Trương Quảng Khê tiên sinh tập* 張廣溪先生集, (ký hiệu VHv.30, Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm, bản khắc in năm Tự Đức thứ 10 (1857)) [5, tr.6-9]. Đây là bài tựa do Trương Đăng Quế viết cho tác phẩm thơ *Học văn dư tập* của chính ông. Trước bài tựa *Học văn dư tập tự tự* là hai bài tựa của hai vị đại bút Lương Khê Phan Thanh Giản (1796 - 1867) và Tùng Thiện vương Nguyễn Phúc Miên Thẩm (1819 - 1870). Thông qua bài tựa này, chúng ta có thể tìm hiểu được một số nét căn bản trong khuynh hướng tư tưởng của Trương Đăng Quế về vấn đề thi học.

總不出性靈二字。故其為詩，盡屏陳言，不依傍他人門戶，意之所至筆即隨之，雖汪洋贍博，遠不如人，惟所獨得處髣髴乎神會三百篇之旨。然而隨作隨棄，僅存者片片投之篋中，未嘗以示人無得而名之者。南北圻兩次銜命，句當公事，途間閱歷，偶有偶咏，從者因而抄寫，始有小集。閣臣潘梅川偶一見之，遂旁及其諸作，多所稱與笑索其序，然亦深藏之，未遑及也。此後寥寥罕所構思，間有應制而為之，不復論其工拙矣。先朝皇十子從善公，好學能詩，無書不讀，尤有志於風雅。余嘗與之論詩，除梅川外，鮮有識者。惟於公若有深契焉。自此乘暇，過從商確古今，評論得失，体裁，風趣，無不洞徹玄微。加以學博才高，精彩煥出，闢開門面成一大家，隻字片言盛傳於都下，知與不知，咸推為巨手。自我炎邦開創，千百年來，未之見也。余與公雅有平素之知，復叨一日之長。公於絳帳春遲，藝窗清暇，因叩余舊作，略加編輯，刪繁取要，釐為四卷，命付之梓，余笑而從之，顏曰學文餘集，蓋取其行有餘力則以學文之義也。爰序其事弁之簡端，併述平生詩學之所得，如此初非有意於以是傳也。

辰在嗣德十年歲次丁巳季春。廣溪叟張登桂延芳氏書。

Dịch nghĩa:

Thơ đối với tôi, lúc nhỏ không có thầy dạy, cứ theo sở thích của mình mà làm, nên câu khởi câu thừa chẳng biết, chẳng có mẫu mực khuôn phép gì cả, gặp việc cảm hứng, xúc cảnh thành bài, chỉ biết nung nấu diễn tả tính tình, chứ chẳng phải muốn mượn thơ để mong nổi danh.

Lần lần lớn lên, theo đòi cái học cử nghiệp, du học ở chốn kinh đô, dự trúng Hương tiến, được chọn sung Trực học. Từ đó mà quen biết với các bậc sĩ đại phu, rồi những lúc rảnh rỗi sau khi giảng đọc sách, hoặc theo các cuộc nhóm họp văn chương dưới mái Nghiệp, hoặc nhân cảnh Khúc giang chuốc chén, hoặc tặng đáp với người đi, hoặc reo vui để tìm bạn xướng họa. Tôi và anh cùng nhau đẽo gọt mài rũ, nghiên cứu ngọn nguồn, tìm tòi những điều cốt lõi vi diệu, xem xét thơ ca nổi tiếng của mọi nhà qua các triều đại, truy

từ Tấn, Ngụy, Lương Hán trở về trước, không có chỗ nào là không xem kỹ, mới biết biết phép tắc mẫu mực của các tác gia, tuy bàn luận rối rắm, nhưng chung quy không ra ngoài hai chữ tính linh. Cho nên, phải vứt bỏ hết những lời sáo hủ, chẳng dựa bên cửa nhà người khác, ý đã đến thì ngòi bút liền theo đó mà diễn tả ra, tuy về sâu xa mệnh mông không được như người, duy có điều riêng được là na ná giống tinh thần quy tụ yếu chỉ của ba trăm thiên *Kinh thi*. Tuy nhiên, cũng có khi làm khi bỏ, chỉ còn lại một ít ở các thẻ cất vào hộp, chưa từng trao cho người khác xem nên không ai biết đến. Hai lần lãnh mệnh công cán Bắc Kỳ và Nam Kỳ, câu thơ thoáng nghĩ khi đang làm việc, hay ngẫu nhiên ngâm vịnh trên quãng đường trải qua, những người theo đoàn nhân đó mà chép lại thành một tập nhỏ. Ông Phan Mai Xuyên làm quan tại Nội các bất chợt thấy được, bèn dựa vào các bài sáng tác, thấy nhiều bài khá, cười

xin đề tựa, nhưng rồi [tôi] cũng cất kỹ, chưa thấy cần kíp gì. Từ đó về sau thì thừa thớt, ít có cấu tứ, đôi lúc cũng có ứng chế mà làm, nhưng cũng chẳng bàn đến sự khéo vụng.

Tùng Thiện công, hoàng tử thứ 10 của triều trước, ham học hay thơ, không có sách nào là không đọc, rất có chí theo đòi văn chương. Tôi thường cùng với ông luận bàn thơ ca, ngoài ông Mai Xuyên [Phan Thanh Giản] ra, ít ai biết đến. Duy tôi với ông [Tùng Thiện] lại rất thâm tình. Từ đó thừa khi rảnh rỗi, tôi hay đến cùng ông bàn bạc thật kỹ lưỡng việc xưa nay, phê phán sự được mất, cả vấn đề thể tài và phong thú, không có điều gì là không bàn xét một cách tinh vi thấu triệt.

Hơn nữa, ông là người học rộng tài cao, văn chương tuyệt diệu, mở mắt trở thành một nhà cầm bút nổi tiếng, mỗi chữ mỗi lời đều được truyền khắp kinh đô, dầu kẻ biết hay không, thấy đều suy tôn ông là một tay cự phách. Từ khi nước ta khai sáng ở miền nam nóng bức này, ngàn năm trở lại đây, chưa thấy ai được như vậy. Tôi với ông hiểu biết nhau một cách trong sạch thanh nhã, giản dị bình thường, lại muốn kéo dài thêm ngày tháng. Ông ở nơi trường hồng xuân chậm, nhân lúc rảnh rang việc văn, mới hỏi đến các sáng tác cũ của tôi, mà sắp xếp biên tập trở lại, bỏ điều phức tạp, giữ phần trọng yếu, phân thành bốn quyển, cho khắc trên gỗ, tôi cười mà thuận theo, lấy nhan đề là **Học văn dư tập**, nhằm ý nghĩa là làm xong mọi việc mà còn sức dư thời lo học văn vậy. Cho nên, bèn viết lời tựa này để

nêu lên trên đầu cuốn sách là ý muốn thuật lại các điều hiểu biết của bản thân về thi học trong lúc bình sinh như thế, chứ lúc ban đầu không có ý muốn truyền lại vậy.

Năm Tự Đức thứ 10 (1857) cuối xuân Đinh Ty, ông già Quảng Khê Trương Đăng Quế Diên Phương viết.

2.2. *Khuyñh hướng tư tưởng thi học của Trương Đăng Quế*

Trương Đăng Quế, thông qua bài tựa *Học văn dư tập tự tự* đã nêu lên một số luận điểm quan trọng của ông về vấn đề sáng tác thơ ca, những luận điểm đó sẽ giúp chúng ta có những cơ sở lý luận bước đầu để sơ bộ tìm hiểu, đánh giá khuyñh hướng tư tưởng thi học của ông.

2.2.1. Trương Đăng Quế cho rằng, cốt lõi của việc làm thơ (sáng tác) là để thể hiện tình cảm của nhà thơ. Thế cho nên ông khẳng định làm thơ là “để nung nấu, giải tỏ tính tình”, “gặp việc gây cảm hứng, tiếp xúc với cảnh vật” tạo xúc cảm ý vị cho tâm hồn của nhà thơ, cho nên “ý đã đến thì ngòi bút liền theo đó mà diễn tả ra”. Như vậy, theo Trương Đăng Quế làm thơ là để biểu đạt tình cảm chân thực, tức là thể hiện tình cảm chân thực trong lòng thi nhân. Nhìn từ khía cạnh sáng tác luận, Trương Đăng Quế chủ trương thơ phải viết ra một cách tự nhiên, thơ là để thể hiện tình cảm thực trong lòng, nên nghĩ sao viết vậy, cực lực phản đối kiểu sáng tác khiên cưỡng, mô phỏng, bắt chước, “đẹp bỏ hết những lời sáo hủ” (tức không câu nệ vào khuôn phép), “không dựa bên cửa nhà người khác” (tức phản

đổi việc mô phỏng, bắt chước một cách cứng nhắc, khô khan).

2.2.2. Về khía cạnh hình thức của thơ ca, theo quan điểm của Trương Đăng Quế, thì nhà thơ không nên theo đuổi hình thức hoa mỹ, cũng không cần phải gọt đẽo, trau chuốt lời thơ. Ngôn ngữ thơ phải là ngôn ngữ thông tục, giản dị và dễ hiểu. Ngôn ngữ thơ không phải là “những lời sáo hủ” theo “mẫu mực khuôn phép” gò bó, hạn chế trong việc sáng tác. Việc sáng tác thơ không phải là việc “đẽo gọt”, “mài rũ” ngôn từ, mà đó phải là những lời phát xuất ra từ sự xúc cảm của nhà thơ đối với sự vật, sự việc. Ông khẳng định việc làm thơ là phải tự nhiên, “ý đã đến thì ngòi bút liền theo đó mà diễn tả ra”, chứ “chẳng bàn đến sự khéo vụng” của thơ. Chính vì quan điểm như vậy, cho nên trong tập *Học văn dư tập* với hơn 240 bài thơ, thì có tới hơn 100 bài, ông sáng tác theo hình thức tự do, điều đó cho phép nhà thơ thoải mái thể hiện tư tưởng, tình cảm của mình mà không sợ bị bó buộc hạn chế bởi khuôn phép mẫu mực của thứ ngôn từ thơ ca mang tính hàn lâm.

2.2.3. Trương Đăng Quế khẳng định rằng, phép tắc mẫu mực, ngọn nguồn của thơ ca mọi nhà, những điều cốt lõi vi diệu trong thơ ca nổi tiếng của các tác gia qua các triều đại, tuy bàn luận rối rắm, nhưng suy cho cùng không ra ngoài hai chữ “**tính linh**”.

Tính linh (性靈) là một thuyết - chủ trương về việc sáng tác và bình luận thơ ca trong hệ thống lý luận thơ ca cổ

đại Trung Quốc. Xét về nguồn gốc, từ Tính linh đã có từ thời Tấn, nhưng nó chỉ thực sự trở thành một thuyết vào đời Minh với nhân vật tiêu biểu là Viên Hoằng Đạo (1568 - 1610) đại diện cho phái Công An, và thuyết này chỉ thực sự trở nên hoàn thiện và có sự phát triển mạnh mẽ là ở đời Thanh, với đại diện ưu tú là Viên Mai (1716 - 1798). Tư tưởng cốt lõi của thi học Tính linh là đặc biệt đề cao yếu tố tình cảm, tâm linh của nhà thơ, coi trọng việc biểu đạt tình cảm một cách chân thực, xem bản chất của thơ ca chính là để biểu đạt tình cảm con người, đó là thứ tình cảm tự nhiên, chất phác. Thi học Tính linh phản đối sự mô phỏng bắt chước, rập khuôn theo người khác, cực lực phản đối thói “tập cổ” một cách cứng nhắc vụng về.

Trong ba trường phái lý luận thơ ca nổi tiếng đời Thanh (Thần vận, Cách điệu, Tính linh), thì Tính linh là thuyết du nhập vào Việt Nam sớm nhất [6, tr.102], và có ảnh hưởng sâu đậm ở Việt Nam, nhất là trong giai đoạn thế kỷ XVIII - XIX, với nhiều gương mặt tiêu biểu như Nguyễn Cư Trinh (1716 - 1767), Lê Hữu Kiều (1691 - 1760), Lê Quý Đôn (1726 - 1784), Trần Lê Phan (1736 - 1798), Phạm Phú Thứ (1821 - 1882), Nguyễn Văn Siêu (1799 - 1872), Cao Bá Quát (1808 - 1855), Nguyễn Năng Tĩnh (1795 - 1876), Trương Đăng Quế, Bùi Văn Hi...v.v.

Cũng như các tác giả chịu ảnh hưởng của thuyết Tính linh, Trương Đăng Quế cũng đề cao yếu tố chân tình, tính tình trong thơ. Ông phê phán lối thơ bắt chước cổ nhân. Làm thơ cốt là

để nung nấu, giải tỏ tính tình của mình, chứ không phải là tập hợp những lời sáo rỗng và dựa dẫm theo người khác. Thơ phải có cái chân tình thì đó mới là chân thơ, mới thực sự khiến cho người đọc phải rung động, xúc cảm.

2.2.4. Khuynh hướng tư tưởng thi học của Trương Đăng Quế có sự “nhất trí” với tư tưởng thi học của Cao Bá Quát [7, tr.187]. Cao Bá Quát (1808 - 1855) là một tác gia lớn trong nền văn học trung đại Việt Nam [8, tr.1]. Đương thời, người đời tôn vinh ông vào hàng danh gia, tài năng kiệt xuất [9, tr.5]. Không chỉ trước tác nhiều, nội dung thơ văn phong phú, mà ngay đến cả tư tưởng thi học của Cao Bá Quát cũng rất tiên bộ, ông chính là người giữ vai trò tiên phong cho thuyết “tính linh” [7, tr.184] ở Việt Nam. Cốt lõi trong tư tưởng thi học của Cao Bá Quát là đề cao yếu tố tính linh. Ông phê phán lối thơ bắt chước, mô phỏng, không chân thực về tình cảm. Ông yêu cầu thơ “gốc ở tính tình”, phê phán những bài thơ bắt chước cổ nhân “không quan hệ gì đến tính linh” [7, tr.185]. Trong bài *Thương Sơn công thi tập hậu tự* (Bài tựa đề cuối tập thơ của Thương Sơn công), Cao Bá Quát khẳng định: “Bàn về thơ, tuy có phải chú trọng về quy cách, nhưng làm thơ thì phải gốc ở tính tình. Nếu việc nào cũng bắt chước cũ, câu nào cũng học theo người..., thì dẫu nghìn bài chứa đầy bề khổ, trăm vần đã cạn ruột khô cũng không quan hệ gì đến tính linh cả” [10, tr.340]. Có thể thấy rằng, “ý kiến trên của Cao Bá Quát thể hiện nhiều luận điểm quan trọng trong quan

niệm về văn chương của ông. Ông chú trọng về quy cách, thi pháp nhưng cái cốt lõi của văn chương, bản chất của văn chương, ở đây là thơ, phải xuất phát từ sự rung động thực sự, từ cảm xúc... Đề cao cảm xúc, đề cao sáng tạo, đồng thời phê phán sự bắt chước người xưa một cách máy móc, nhất là phê phán sự lờ loẹt, chạy theo hình thức, không coi trọng “gốc ở tính tình”... Cao Bá Quát quả đã đem lại cho lý luận văn chương Việt Nam thời trung đại nhiều điểm mới mẻ, sâu sắc” [8, tr. 133].

Sự “nhất trí” trong khuynh hướng tư tưởng thi học của Trương Đăng Quế và Cao Bá Quát chính là ở chỗ, cả hai ông đều coi trọng yếu tố chân tình, đề cao lối thơ tự nhiên, thanh thoát, không mô phỏng, rập khuôn, dựa dẫm theo người khác. Đọc thơ Trương Đăng Quế và Cao Bá Quát, chúng ta đều thấy rằng, thơ ca của hai ông đều thấm đẫm yếu tố trữ tình, đề cao con người cá nhân (trước ngã) và khẳng định giá trị cá nhân.

3. Kết luận

3.1. Thông qua việc phân tích bài tựa *Học văn dư tập tự tự* của Trương Đăng Quế, chúng ta thấy rằng, ông là một trong những nhà thơ có tư tưởng thi học tiên bộ. Quan điểm thi học của ông không còn bị bó buộc trong những khuôn thước mẫu mực của Nho giáo, dù ông là một Nho thần và làm quan trải ba triều vua.

3.2. Tư tưởng thi học của Trương Đăng Quế có sự gần gũi, tương đồng với tư tưởng thi học của nhiều nhân vật

sống trong giai đoạn thế kỷ XVIII - XIX, đó là giai đoạn kết tinh các thành tựu tư tưởng thi học [7, tr.147]. Khuynh hướng tư tưởng thi học của ông còn được đánh giá là “nhất trí” với quan niệm thi học của Cao Bá Quát - một đại diện tiêu biểu trên văn đàn triều Nguyễn [7, tr.187].

3.3. Lối thơ đề cao sự chân thực, tự nhiên là lối thơ tiến bộ, cho phép tác giả tự do thể hiện tình cảm cá nhân, thể hiện “cái tôi” - con người cá nhân trong thơ ca, bộc lộ một cách thẳng thắn tình cảm chân thực của tác giả trước mọi hiện tượng xã hội. Khuynh hướng tư tưởng thi học của Trương Đăng Quế chính là đề cao yếu tố chân thực và tự nhiên trong sáng tác thơ ca. Điều đó cho thấy sự tiến bộ của cá nhân ông nói

riêng, và cũng là sự tiến bộ trong lịch sử tư tưởng thi học trung đại Việt Nam nói chung.

3.4. Bài tựa *Học văn dư tập* tự tự tuy chưa thể hiện đầy đủ toàn diện tư tưởng thi học của Trương Đăng Quế, nhưng thông qua bài tựa này chúng ta có thể bước đầu tìm hiểu được một số vấn đề căn bản trong khuynh hướng tư tưởng về thi học của ông. Tư tưởng của ông về thi học, cũng như những nội dung được thể hiện trong tác phẩm *Học văn dư tập*, đã chứng minh rằng, Trương Đăng Quế cần phải có một vị trí xứng đáng trong lịch sử văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX nói riêng và trong cả tiến trình lịch sử văn học Việt Nam nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam liệt truyện*, bản dịch, tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế
2. Nhiều tác giả (2004), *Từ điển văn học*, bộ mới, Nxb. Thế Giới, Hà Nội
3. Trần Nghĩa (1994), “Kiểm kê, phân loại và sơ bộ đánh giá tác phẩm Trương Đăng Quế”, *Các tham luận tại Hội thảo Khoa học về Trương Đăng Quế lần thứ nhất*, Sở VH TT & TT Quảng Ngãi, tr.126-131
4. 阮綿賓撰, *葦野合集*, 漢喃研究院, 河內, A.782/1-3
5. 張登桂 (1857), *張廣溪先生集*, 晚學綿審編輯, 漢喃研究院, 河內, VHv.30
6. Nguyễn Đình Phúc (2014), *So sánh quá trình tiếp nhận thuyết tính linh của Viên Mai ở Hàn Quốc và Việt Nam*, Nghiên cứu văn học, số 1 (503)/2014, tr.93-109
7. Nguyễn Thanh Tùng (2010), *Sự phát triển tư tưởng Thi học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội
8. Nguyễn Ngọc Quận (2005), *Sáng tác của Cao Bá Quát trong tiến trình văn học dân tộc*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học KHXH & NV Tp. Hồ Chí Minh

9. Nguyễn Hữu Sơn, Đặng Thị Hảo tuyển chọn (2006), *Cao Bá Quát về tác gia và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội

10. Hoàng Hữu Yên chủ biên (2004), *Tinh tuyển văn học Việt Nam*, tập 6, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội

**INITIAL STEP IN STUDYING IDEOLOGY ON POETICS
OF TRUONG DANG QUE VIEWED FROM “HOC VAN DU TAP TU TU”**

ABSTRACT

Truong Dang Que (1793 - 1865) was a high-ranking mandarin under the Nguyen Dynasty. He was also a writer, a poet and a great historian at the first half of XIXth century. Nevertheless, there have not been many researches on his works in general and his ideology on poetry in particular so far. This paper puts the initial step in studying his ideology on poetry viewed from “Hoc van du tap tu tu”.

Keywords: *Poet, ideology on poetry, poetry*